TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 141/2024/DS-PT
Ngày: 28-3-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình.

Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2023về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023, của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Cẩm T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Kiều Kim H, sinh năm: 1959 (có mặt)

Ông Phan Thanh Q, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: Bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Cẩm T trình bày:

Chị T bắt đầu chơi hụi của bà H, ông Q làm chủ thảo vào khoảng năm 2019 đến nay, cụ thể gồm các dây hụi sau:

+ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/9/2020 do ông Q, bà H làm chủ thảo, gồm 28 phần, chị T tham gia 01 phần đã mãn. Dây hụi này chị T hốt chót được 54.000.000 đồng, trừ thảo 1.000.000 đồng, còn 53.000.000 đồng, nhưng ông Q, bà H không đăng hụi cho chị.

+ Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25/02/2021, gồm 22 phần, chị T tham gia 01 phần đã mãn. Dây hụi này chị T hốt chót được 105.000.000 đồng, bà H cấn trừ các phần hụi sống chị T còn phải đóng nên ông Q, bà H còn phải trả lại cho chị T số tiền 76.950.000 đồng, nhưng ông Q, bà H không đăng hụi.

+ Dây hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 20/5/2021, gồm 24 phần, chị T tham gia 01 phần đã mãn. Dây hụi này chị T hốt chót được số tiền 69.000.000 đồng, bà H cấn trừ các phần hụi sống chị T còn phải đóng nên ông Q, bà H còn phải trả lại cho chị T số tiền 61.500.000 đồng, nhưng ông Q, bà H không đăng hụi.

+ Đối với dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 02/6/2022, dây hụi này đã ngưng. Ông Q, bà H và chị T thống nhất ông Q, bà H trả lại cho chị T số tiền các lần chị T đã đóng hụi sống, cụ thể là 28.600.000 đồng, làm tròn thành 29.000.000 và dây hụi 200.000 đồng, khui ngày 02/10/2022, chị T đóng được 23.750.000 đồng, làm tròn thành 25.000.000 đồng.

Về tiền vay, vào khoảng tháng 4/2022, bà H vay chị T số tiền 25.000.000 đồng, trong thời hạn 03 ngày, không tính lãi, không lập giấy tờ, văn bản gì.

Tổng cộng các khoản tiền bà H, ông Q phải trả cho chị T là 270.450.000 đồng. Ngày 24/02/2023, bà H, ông Q đã trả cho chị T số tiền 41.450.000 đồng, còn nợ lại số tiền 229.000.000 đồng. Ngày 31/5/2023, khi chị T đến nhà bà H, ông Q yêu cầu bà H, ông Q trả tiền hụi và tiền vay thì bà H lập giấy xác nhận còn nợ chị T số tiền 229.000.000 đồng.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu bà H, ông Q có nghĩa vụ trả lại số 229.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Kiều Kim H trình bày: Bà H thống nhất lời trình bày của chị T về quá trình chị T tham gia các dây hụi, số tiền vay và thừa nhận có ký tên vào giấy xác nhận nợ. Bà H đồng ý trả cho chị T số tiền 229.000.000 đồng, không trả lãi. Tuy nhiên, bà H không đồng ý ông Q cùng có nghĩa vụ với bà trả tiền cho chị T, bởi vì bà H tự vay, tự làm chủ thảo hụi, ông Q không biết hụi bao nhiêu, không biết bà H vay chị T bao nhiêu tiền.

Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Phan Thanh Q trình bày:

Ông Q và bà H chung sống như vợ chồng từ năm 1979, không có đăng ký kết hôn. Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, bởi vì ông không cùng bà H làm chủ thảo các dây hụi, ông không biết việc bà H vay tiền của chị T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023, của Tòa án nhân dân Huyện Dương Châu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Cẩm T đối với bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Buộc bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q có trách nhiệm trả cho chị Ngô Thị Cẩm T số tiền vay 229.000.000 đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/01/2024, Bà Kiều Kim H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông Q có nghĩa vụ cùng bà trả nợ số tiền 229.000.000 đồng cho chị T và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Ông Q kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông Q có nghĩa vụ cùng bà H trả nợ số tiền 229.000.000 đồng cho chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q thực hiện trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q:

[2.1] Chị T khởi kiện bà H, ông Q trả số tiền hụi và tiền vay còn nợ tổng cộng là 229.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà H thừa nhận còn nợ chị T số tiền nêu trên, đồng ý trả số nợ này và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Việc bà H thừa nhận số tiền còn nợ phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tờ "giấy xác nhận nợ" đề ngày 31/5/2023 do bà H tự viết và ký tên, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ.

[2.2] Đối với việc bà H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ, nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét, việc này sẽ được giải quyết ở giai đoạn thi hành án.

[2.3] Bà H không đồng ý ông Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho chị T vì hụi do bà làm chủ thảo và bà vay tiền của chị T để sử dụng mục đích cá nhân, ông Q không biết các dây hụi cũng như không sử dụng số tiền bà đã vay của chị T. Ông Q không thừa

nhận nợ, ông Q cho rằng quá trình bà H làm chủ thảo hụi, ông không liên quan và cũng không biết về số tiền hụi và số tiền bà H vay của chị T nên ông không đồng ý cùng bà H trả nợ cho chị T. Xét thấy, ông Q và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1979, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà có 05 người con chung, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1988 nên đây là hôn nhân thực tế, tại phiên tòa ông bà xác định vẫn còn chung sống, vẫn còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau, kinh tế trong gia đình bà H là người trực tiếp chi tiêu, mục đích bà H làm hụi là để có thêm thu nhập trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Ông Q thừa nhận các sổ hụi đều ghi tên chủ hụi là Phan Thanh Q, ông cho rằng để tên ông để các hụi viên biết được nhà ông và bà H. Theo lời trình bày của nguyên đơn và và các hụi viên khác trình bày bà H có tổ chức bốc thăm khui hụi tại nhà và sau khi bà H tuyên bố bể hụi thì ông Q có đứng ra hứa trả lại tiền cho các hụi viên và ông Q cũng thừa nhận việc ông biết bà H làm thảo hụi. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Q có trách nhiệm cùng bà H trả số tiền còn nợ chị T là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông Q là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H và ông Q là người cao tuổi nên được miễn.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà H và ông Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nhưng ông bà là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Cẩm T đối với bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Buộc bà Kiều Kim H và ông Phan Thanh Q có trách nhiệm trả cho chị Ngô Thị Cẩm T số tiền 229.000.000 đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: bà H và ông Q là người cao tuổi nên được miễn.

Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí là 5.725.000 đồng theo biên lai thu số 00013899 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự Huyện Dương MInh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thùy Trang

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND Huyện Dương Minh Châu;
- CCTHADS Huyện DMC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.